

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kết quả thi Kỳ thi cấp chứng chỉ
Ứng dụng Công nghệ thông tin cơ bản - Khóa thi ngày 20/4/2025**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Căn cứ Nghị định số 32/CP ngày 04/4/1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/6/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Thông tin và Truyền thông về việc quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐĐH ngày 12/7/2021 của Hội đồng Đại học Đà Nẵng về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Đà Nẵng và Nghị quyết số 13/NQ-HĐĐH ngày 07/9/2021 của Hội đồng Đại học Đà Nẵng về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị quyết số 12/NQ-HĐT ngày 08/6/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng; căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐT ngày 06/5/2024, Nghị quyết số 07/NQ-HĐT ngày 03/3/2025 và Nghị quyết số 24/NQ-HĐT ngày 03/4/2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị quyết số 23/NQ-HĐT ngày 09/12/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng về việc thành lập Trung tâm Tin học trực thuộc Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Tờ trình ngày 28/4/2025 của Trung tâm Tin học Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng về việc đề nghị phê duyệt kết quả thi Kỳ thi cấp chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản - Khóa thi ngày 20/4/2025;

Căn cứ Kết quả thi Kỳ thi cấp chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản - Khóa thi ngày 20/4/2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Tin học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thi Kỳ thi cấp chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản - Khóa thi ngày 20/4/2025 của Trung tâm Tin học Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng.

(Danh sách kết quả thi kèm theo)

Điều 2. Giao Giám đốc Trung tâm tin học Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng thực hiện việc cấp chứng chỉ cho các thí sinh đạt yêu cầu; công khai thông tin về danh sách thí sinh được cấp chứng chỉ trên trang thông tin điện tử của Trung tâm theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Thủ trưởng đơn vị liên quan và các thí sinh có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Đại học Đà Nẵng (để báo cáo);
- Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng (để biết);
- Lưu: VT, TTTH.

HIỆU TRƯỞNG



PGS. TS. Võ Văn Minh

DANH SÁCH KẾT QUẢ THI
KỲ THI CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
KHÓA THI NGÀY 20/4/2025

(Kèm theo Quyết định số 849 /QĐ-ĐHSP ngày 28 tháng 4 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm trắc nghiệm	Điểm thực hành	Kết quả
1	25UED02.001	Trần Thị An	21/3/2004	Nghệ An	7,00	9,50	Đạt
2	25UED02.002	Lê Đình Bình An	13/9/2005	Kon Tum	8,33	7,50	Đạt
3	25UED02.003	Vannaphone Anousit	04/7/1999	Lào	7,00	10,00	Đạt
4	25UED02.004	Hoàng Thị Lan Anh	02/6/2005	Đồng Nai	8,33	7,50	Đạt
5	25UED02.005	Phan Nguyễn Phương Anh	09/10/2005	Nghệ An	9,00	10,00	Đạt
6	25UED02.006	Phạm Thị Hoàng Anh	04/8/2005	Đà Nẵng	8,67	9,00	Đạt
7	25UED02.007	Võ Hoàng Ngọc Anh	07/8/2005	Quảng Nam	6,67	5,00	Đạt
8	25UED02.008	Lê Thị Thuý Anh	08/4/2004	Hà Tĩnh	6,67	5,00	Đạt
9	25UED02.009	Lê Thị Kim Anh	02/9/2005	Kon Tum	7,33	8,50	Đạt
10	25UED02.010	Trần Thị Hoàng Anh	31/12/2005	Kon Tum	6,00	8,00	Đạt
11	25UED02.011	Hoàng Thị Hoài Anh	24/12/2003	Thanh Hóa	7,33	5,00	Đạt
12	25UED02.012	Nguyễn Thuý Phương Anh	21/4/2005	Đà Nẵng	9,00	9,00	Đạt
13	25UED02.013	Nguyễn Thị Anh	06/01/2003	Hà Tĩnh	7,00	5,00	Đạt
14	25UED02.014	Nguyễn Huyền Anh	28/7/2005	Quảng Bình	8,33	9,00	Đạt
15	25UED02.015	Nguyễn Hoàng Anh	29/5/2003	Thanh Hóa	6,67	5,00	Đạt
16	25UED02.016	Võ Thị Tuyết Anh	19/10/2003	Hà Tĩnh	6,67	8,00	Đạt
17	25UED02.017	Trần Thị Quỳnh Anh	17/6/2005	Gia Lai	5,00	3,50	Không đạt
18	25UED02.018	Phan Khắc Anh	29/7/2005	Quảng Trị	8,33	8,00	Đạt
19	25UED02.019	Phùng Thị Ngọc Anh	28/9/2005	Quảng Bình	8,33	9,00	Đạt
20	25UED02.020	Trần Đoàn Trâm Anh	14/01/2005	Gia Lai	9,33	7,00	Đạt
21	25UED02.021	Nguyễn Thị Minh Anh	18/10/2003	Đà Nẵng	9,33	5,00	Đạt
22	25UED02.022	Đinh Võ Phương Anh	23/8/2006	Hà Tĩnh	7,67	7,50	Đạt
23	25UED02.023	Tán Thị Trang Anh	25/3/2006	Đà Nẵng	9,67	8,50	Đạt
24	25UED02.024	Đỗ Quỳnh Anh	30/10/2003	Đà Nẵng	5,00	5,50	Đạt
25	25UED02.025	Trương Thị Ngọc Ánh	10/7/2003	Hà Tĩnh	7,67	5,50	Đạt
26	25UED02.026	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	02/9/2005	Nghệ An	7,67	5,00	Đạt
27	25UED02.027	Phạm Thị Ngọc Ánh	10/6/2003	Quảng Nam	8,00	6,00	Đạt
28	25UED02.028	Huỳnh Minh Ngọc Ánh	22/10/2006	Đà Nẵng	7,33	9,00	Đạt
29	25UED02.029	Võ Văn Công	01/10/2003	Thừa Thiên - Huế	7,00	8,50	Đạt
30	25UED02.030	Nguyễn Văn Châu	08/01/2005	Kon Tum	6,33	7,00	Đạt
31	25UED02.031	Trần Kim Chi	19/3/2004	Quảng Trị	8,00	4,00	Không đạt
32	25UED02.032	Nguyễn Kim Chi	17/11/2004	Quảng Trị	5,33	6,00	Đạt
33	25UED02.033	Võ Thị Kim Chi	08/6/2005	Quảng Ngãi	9,00	9,00	Đạt
34	25UED02.034	Siu H' Chihe	19/8/2003	Gia Lai	8,00	3,50	Không đạt



th

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm trắc nghiệm	Điểm thực hành	Kết quả
35	25UED02.035	Trần Thị Ngọc	Diễm	09/9/2005	Quảng Nam	9,67	10,00	Đạt
36	25UED02.036	Hoàng Ánh	Diễm	26/9/2005	Đà Nẵng	7,00	5,00	Đạt
37	25UED02.037	Trần Lê Xuân	Diệu	20/3/2003	Đà Nẵng	-	-	Vắng thi
38	25UED02.038	Phan Thị Huyền	Diệu	11/02/2004	Quảng Nam	10,00	9,00	Đạt
39	25UED02.039	Lê Thị Mỹ	Diệu	18/8/2004	Khánh Hòa	6,00	5,00	Đạt
40	25UED02.040	Nguyễn Thị	Dịu	10/7/2005	Nghệ An	8,00	9,00	Đạt
41	25UED02.041	Nguyễn Phương	Dung	29/01/2005	Gia Lai	8,67	9,00	Đạt
42	25UED02.042	Lê Thị Kim	Dung	19/12/2004	Đà Nẵng	7,33	8,00	Đạt
43	25UED02.043	Trịnh Mai	Dung	29/8/2004	Bà Rịa - Vũng Tàu	6,67	5,00	Đạt
44	25UED02.044	Trương Thị	Dung	05/9/2005	Nghệ An	6,67	5,00	Đạt
45	25UED02.045	Đỗ Việt	Dũng	12/10/2005	Ninh Bình	8,00	8,50	Đạt
46	25UED02.046	Trần Thị Mỹ	Duyên	23/02/2003	Đà Nẵng	6,67	3,50	Không đạt
47	25UED02.047	Lê Thị Mỹ	Duyên	16/12/2004	Quảng Nam	7,67	8,50	Đạt
48	25UED02.048	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	20/10/2004	Đà Nẵng	7,67	5,00	Đạt
49	25UED02.049	Ngô Mỹ	Duyên	08/12/2003	Quảng Nam	6,67	5,00	Đạt
50	25UED02.050	Nguyễn Thị Thu	Dur	14/6/2006	Quảng Ngãi	9,33	10,00	Đạt
51	25UED02.051	Lê Thị	Dur	17/4/2005	Đà Nẵng	7,00	8,00	Đạt
52	25UED02.052	Trần Thị Thuỳ	Dương	03/6/2005	Quảng Bình	9,33	8,00	Đạt
53	25UED02.053	Nguyễn Tiểu Linh	Đa	23/10/2005	Quảng Nam	8,00	9,00	Đạt
54	25UED02.054	Đoàn Ngọc Linh	Đan	04/01/2005	Quảng Ngãi	7,67	10,00	Đạt
55	25UED02.055	Nguyễn Vĩnh	Đan	17/01/2001	Quảng Nam	-	-	Vắng thi
56	25UED02.056	Nguyễn Lê Thành	Đạt	20/9/2001	Đà Nẵng	8,00	7,50	Đạt
57	25UED02.057	Bùi Sỹ	Đức	27/8/2001	Thanh Hóa	7,33	5,00	Đạt
58	25UED02.058	A Lăng Thị	Gái	19/8/2005	Quảng Nam	7,33	8,00	Đạt
59	25UED02.059	Hồ Ngọc Cẩm	Giang	02/5/2003	Đà Nẵng	5,67	4,00	Không đạt
60	25UED02.060	Hà Linh	Giang	30/01/2004	Kon Tum	7,67	8,50	Đạt
61	25UED02.061	Nguyễn Thị Trà	Giang	10/11/2004	Đà Nẵng	6,33	5,50	Đạt
62	25UED02.062	Mạc Thị Hương	Giang	23/4/2005	Đà Nẵng	8,33	10,00	Đạt
63	25UED02.063	Thái Thị Mai	Giang	06/8/2005	Nghệ An	7,33	9,00	Đạt
64	25UED02.064	Nguyễn Thị Thu	Hà	05/12/2005	Thanh Hóa	7,67	9,00	Đạt
65	25UED02.065	Nguyễn Thị Thu	Hà	01/01/2004	Nghệ An	8,00	9,00	Đạt
66	25UED02.066	Dương Thu	Hà	06/6/2003	Kon Tum	6,67	7,50	Đạt
67	25UED02.067	Tổng Thị Thu	Hà	28/7/2004	Ninh Bình	7,67	6,00	Đạt
68	25UED02.068	Phan Thu	Hà	10/4/2005	Quảng Ngãi	7,67	7,50	Đạt
69	25UED02.069	Ngô Thị Thu	Hà	20/4/2004	Quảng Nam	6,67	7,50	Đạt
70	25UED02.070	Đặng Thị	Hà	01/01/2004	Gia Lai	6,00	7,00	Đạt
71	25UED02.071	Lê Thị Phương	Hạ	09/11/2005	Đà Nẵng	7,67	6,00	Đạt
72	25UED02.072	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	20/3/2005	Gia Lai	8,67	7,00	Đạt
73	25UED02.073	Bùi Thị Mỹ	Hạnh	25/3/2004	Gia Lai	4,67	5,00	Không đạt
74	25UED02.074	Alăng Mỹ	Hạnh	09/7/2003	Quảng Nam	7,00	6,00	Đạt

TTH

11

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm trắc nghiệm	Điểm thực hành	Kết quả
115	25UED02.115	Vũ Diệu	Hương	10/10/2003	Quảng Ninh	6,33	7,00	Đạt
116	25UED02.116	Hồ Thị Mai	Hương	12/12/2003	Thanh Hóa	8,00	10,00	Đạt
117	25UED02.117	Nguyễn Thị Thanh	Hương	20/02/2004	Quảng Nam	6,67	6,00	Đạt
118	25UED02.118	Nguyễn Thị Hoài	Hương	09/01/2005	Thanh Hóa	7,33	9,00	Đạt
119	25UED02.119	Hà Thị Thu	Hương	06/01/2004	Hà Tĩnh	7,67	10,00	Đạt
120	25UED02.120	Đỗ Thị Diệu	Hương	12/3/2003	Quảng Nam	8,33	5,00	Đạt
121	25UED02.121	Trần Thị Thu	Hương	28/6/2005	Quảng Bình	7,33	7,50	Đạt
122	25UED02.122	Huỳnh Tấn	Kiên	21/01/2004	Quảng Nam	6,67	9,00	Đạt
123	25UED02.123	Alăng Thị	Kim	23/3/2005	Quảng Nam	8,67	8,00	Đạt
124	25UED02.124	Đặng Văn	Kỳ	16/9/2003	Đà Nẵng	6,00	8,00	Đạt
125	25UED02.125	Nguyễn Hoàng Bảo	Khánh	24/7/2005	Quảng Trị	7,33	5,00	Đạt
126	25UED02.126	Nguyễn Bảo	Khánh	24/9/2005	Hà Tĩnh	6,67	8,00	Đạt
127	25UED02.127	Đặng Thị Kim	Lan	11/6/2004	Đà Nẵng	8,67	10,00	Đạt
128	25UED02.128	Nguyễn Thị Ánh	Lan	01/10/2004	Quảng Nam	6,00	5,00	Đạt
129	25UED02.129	Trần Hoàng	Lan	02/9/2005	Gia Lai	8,33	10,00	Đạt
130	25UED02.130	Phan Thị Thanh	Lan	04/7/2003	Gia Lai	9,00	10,00	Đạt
131	25UED02.131	Trần Hoàng	Lan	19/02/2004	Quảng Trị	7,67	7,00	Đạt
132	25UED02.132	Đặng Thị Phương	Lan	16/8/2004	Đà Nẵng	7,33	3,00	Không đạt
133	25UED02.133	Dương Thị Hoài	Lê	18/7/2005	Nghệ An	9,33	10,00	Đạt
134	25UED02.134	Trần Mỹ	Lê	29/5/2005	Gia Lai	7,00	5,50	Đạt
135	25UED02.135	Nguyễn Thị Mỹ	Lệ	16/8/2005	Quảng Bình	8,00	9,00	Đạt
136	25UED02.136	Nguyễn Thị Ngọc	Lên	15/7/2004	Đà Nẵng	8,33	10,00	Đạt
137	25UED02.137	Nguyễn Thị Kim	Liên	27/02/2004	Quảng Ngãi	7,00	9,00	Đạt
138	25UED02.138	Lương Hoài	Linh	12/3/2005	Hà Tĩnh	7,67	6,00	Đạt
139	25UED02.139	Lê Thị Phương	Linh	28/7/2003	Nghệ An	7,67	9,00	Đạt
140	25UED02.140	Bùi Thị Phương	Linh	22/7/2005	Hà Tĩnh	5,00	5,00	Đạt
141	25UED02.141	Lương Thị Thủy	Linh	20/9/2005	Thanh Hóa	9,33	10,00	Đạt
142	25UED02.142	Trương Hoàng Thảo	Linh	16/4/2004	Đà Nẵng	6,00	9,00	Đạt
143	25UED02.143	Nguyễn Thị Thùy	Linh	06/11/2005	Hà Tĩnh	8,67	10,00	Đạt
144	25UED02.144	Trần Thị	Linh	12/12/2004	Nghệ An	5,67	7,00	Đạt
145	25UED02.145	Nguyễn Khánh	Linh	20/11/2002	Hà Tĩnh	5,67	5,00	Đạt
146	25UED02.146	Võ Thủy	Loan	01/7/2004	Đà Nẵng	7,67	8,00	Đạt
147	25UED02.147	Trần Diệp Ngọc	Loan	27/3/2005	Gia Lai	6,67	10,00	Đạt
148	25UED02.148	Phạm Kiều	Loan	23/10/2003	Quảng Trị	6,33	5,00	Đạt
149	25UED02.149	Võ Thành	Long	23/10/2004	Quảng Ngãi	8,67	3,00	Không đạt
150	25UED02.150	Phan Minh	Long	02/11/2004	Thừa Thiên - Huế	9,33	10,00	Đạt
151	25UED02.151	Nguyễn Lương	Lợi	16/4/2004	Quảng Nam	9,67	10,00	Đạt
152	25UED02.152	Nguyễn Hữu	Luân	23/8/2001	Đồng Tháp	5,33	6,00	Đạt
153	25UED02.153	Lê Như	Luyến	25/6/2005	Quảng Nam	9,67	10,00	Đạt
154	25UED02.154	Y Tuyết	Ly	10/12/2004	Kon Tum	7,67	7,00	Đạt

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm trắc nghiệm	Điểm thực hành	Kết quả
155	25UED02.155	Lê Thanh Thảo Ly	26/11/2003	Đà Nẵng	6,67	9,00	Đạt
156	25UED02.156	Nguyễn Thị Thảo Ly	05/12/2005	Quảng Nam	9,33	6,00	Đạt
157	25UED02.157	Phạm Khánh Ly	04/02/2005	Quảng Ngãi	8,33	10,00	Đạt
158	25UED02.158	Trần Đỗ Hoàng Ly	16/11/2003	Hà Tĩnh	9,67	9,00	Đạt
159	25UED02.159	Hà Thị Ly	01/01/2004	Nghệ An	6,33	9,00	Đạt
160	25UED02.160	Trần Thị Ngọc Ly	14/02/2003	Quảng Nam	9,33	10,00	Đạt
161	25UED02.161	Võ Thị Khánh Ly	19/6/2004	Quảng Nam	6,33	3,50	Không đạt
162	25UED02.162	Phùng Thị Như Lý	20/01/2005	Đà Nẵng	9,33	10,00	Đạt
163	25UED02.163	Quách Thị Mai	01/01/2004	Đà Nẵng	8,00	10,00	Đạt
164	25UED02.164	Trần Thị Ngọc Mai	12/4/2004	Hà Tĩnh	8,00	9,00	Đạt
165	25UED02.165	Hoàng Thị Tuyết Mai	19/3/2005	Hà Tây	9,00	9,00	Đạt
166	25UED02.166	Nguyễn Trần Phương Mai	29/9/2004	Nghệ An	8,00	8,00	Đạt
167	25UED02.167	Đào Thị Sao Mai	30/5/2005	Nghệ An	6,33	5,00	Đạt
168	25UED02.168	Phạm Thị Huyền Mai	26/3/2005	Quảng Nam	7,33	10,00	Đạt
169	25UED02.169	Đặng Thị Trà Mi	04/7/1994	Đà Nẵng	7,67	3,50	Không đạt
170	25UED02.170	Dương Trần Trí Minh	11/4/2006	Đà Nẵng	7,33	10,00	Đạt
171	25UED02.171	Nguyễn Đỗ Hà My	02/3/2005	Quảng Ngãi	9,33	9,50	Đạt
172	25UED02.172	Phạm Thị Huyền My	24/5/2004	Quảng Nam	6,33	6,00	Đạt
173	25UED02.173	Trần Phương Thảo My	05/01/2005	Hà Tĩnh	7,33	8,00	Đạt
174	25UED02.174	Nguyễn Xuân Diệu My	08/4/2001	Đà Nẵng	8,33	9,50	Đạt
175	25UED02.175	Trần Thị Diễm My	08/6/2004	Nghệ An	6,67	9,50	Đạt
176	25UED02.176	Trần Hoàng Diễm My	23/7/2004	Đà Nẵng	7,33	8,50	Đạt
177	25UED02.177	Lê Huyền My	29/11/2003	Thanh Hóa	8,67	5,00	Đạt
178	25UED02.178	Nguyễn Trần Khánh Na	07/8/2004	Kon Tum	7,33	9,00	Đạt
179	25UED02.179	Phan Lê Na	01/01/2004	Hà Tĩnh	6,33	5,50	Đạt
180	25UED02.180	H Yuil Niê	10/01/2004	Đắk Lắk	6,33	7,00	Đạt
181	25UED02.181	Võ Thị Xuân Ny	25/01/2004	Đà Nẵng	8,33	9,50	Đạt
182	25UED02.182	Nguyễn Trần Khánh Ny	07/8/2004	Kon Tum	8,33	9,50	Đạt
183	25UED02.183	Phạm Phương Nga	18/11/2005	Quảng Ngãi	9,00	6,00	Đạt
184	25UED02.184	Nguyễn Thị Thúy Ngân	25/10/2006	Quảng Nam	9,67	10,00	Đạt
185	25UED02.185	Hồ Mai Tuyết Ngân	15/4/2004	Kon Tum	7,67	7,50	Đạt
186	25UED02.186	Nguyễn Ngọc Thu Ngân	09/10/2003	Hồ Chí Minh	4,67	5,50	Không đạt
187	25UED02.187	Trần Thục Lê Ngân	31/3/2005	Phú Yên	8,33	10,00	Đạt
188	25UED02.188	Hoàng Thảo Ngân	20/4/2005	Quảng Trị	7,67	7,50	Đạt
189	25UED02.189	Hồ Thị Bích Ngọc	19/9/2005	Đà Nẵng	7,67	8,50	Đạt
190	25UED02.190	Vũ Thị Ngọc	20/11/2004	Lào Cai	6,00	8,00	Đạt
191	25UED02.191	Trịnh Ngọc Bảo Ngọc	20/10/2003	Đắk Lắk	8,67	9,50	Đạt
192	25UED02.192	Hoàng Nhi Ánh Ngọc	22/8/2005	Kon Tum	8,33	10,00	Đạt
193	25UED02.193	Đào Thu Ngọc	15/10/2004	Hà Tĩnh	6,67	5,50	Đạt
194	25UED02.194	Hoàng Anh Ngọc	23/4/2004	Quảng Bình	7,33	5,00	Đạt

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm trắc nghiệm	Điểm thực hành	Kết quả
195	25UED02.195	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	26/3/2004	Đà Nẵng	6,33	5,50	Đạt
196	25UED02.196	Bùi Vũ Tấn	Nguyên	22/6/2004	Quảng Nam	10,00	6,00	Đạt
197	25UED02.197	Lê Phạm Khánh	Nguyên	23/10/2003	Quảng Nam	5,67	2,00	Không đạt
198	25UED02.198	Hoàng	Nhân	26/9/2003	Ninh Thuận	8,67	8,50	Đạt
199	25UED02.199	Nguyễn Trần Ái	Nhân	16/3/2005	Hồ Chí Minh	6,00	5,00	Đạt
200	25UED02.200	Lê Thanh	Nhân	11/9/2002	Đà Nẵng	6,67	3,00	Không đạt
201	25UED02.201	Lê Đăng Thuần	Nhất	06/5/2006	Thanh Hóa	7,67	3,00	Không đạt
202	25UED02.202	Lưu Thị Hải	Nhật	19/01/2004	Hà Tĩnh	5,67	5,00	Đạt
203	25UED02.203	Nguyễn Thị Hoài	Nhi	15/4/2005	Gia Lai	8,33	3,50	Không đạt
204	25UED02.204	Phan Thị Yến	Nhi	27/02/2003	Quảng Trị	6,33	5,00	Đạt
205	25UED02.205	Lê Đào Uyên	Nhi	04/10/2004	Đà Nẵng	5,33	3,00	Không đạt
206	25UED02.206	Nguyễn Văn	Nhi	10/5/2004	Đà Nẵng	8,33	8,50	Đạt
207	25UED02.207	Nguyễn Khánh	Nhi	09/9/2005	Nghệ An	7,67	6,00	Đạt
208	25UED02.208	Mạch Thị Kiều	Nhi	01/01/2005	Thanh Hóa	9,33	8,50	Đạt
209	25UED02.209	Trịnh Nguyễn Yến	Nhi	21/12/2004	Quảng Nam	9,00	8,50	Đạt
210	25UED02.210	Nguyễn Mai	Nhi	30/4/2005	Quảng Nam	10,00	9,00	Đạt
211	25UED02.211	Phạm Thị Yến	Nhi	06/6/2005	Hà Tĩnh	7,00	3,50	Không đạt
212	25UED02.212	Võ Thị Hà	Nhi	16/7/2005	Đà Nẵng	7,00	7,00	Đạt
213	25UED02.213	Lê Thị Tuyết	Nhi	20/12/2003	Đà Nẵng	8,33	10,00	Đạt
214	25UED02.214	Trần Nguyễn Yến	Nhi	11/6/2005	Đà Nẵng	8,33	5,50	Đạt
215	25UED02.215	Trần Đỗ Ngọc	Nhi	29/8/2005	Kon Tum	6,67	6,00	Đạt
216	25UED02.216	Ngô Thị Hồng	Nhung	29/3/2002	Đà Nẵng	8,00	6,00	Đạt
217	25UED02.217	Lê Thị	Nhung	15/01/2004	Quảng Nam	9,67	9,00	Đạt
218	25UED02.218	Mai Thị Tuyết	Nhung	16/12/2003	Thanh Hóa	6,00	8,00	Đạt
219	25UED02.219	Nguyễn Thị Huỳnh	Nhung	14/7/2005	Quảng Nam	9,67	9,50	Đạt
220	25UED02.220	Lý Thị Tuyết	Nhung	19/9/2005	Đắk Lắk	7,67	6,50	Đạt
221	25UED02.221	Lê Ngọc Yến	Nhung	25/11/2003	Quảng Nam	6,00	3,50	Không đạt
222	25UED02.222	Nguyễn Ngọc	Như	29/12/2004	Đà Nẵng	7,67	5,00	Đạt
223	25UED02.223	Nguyễn Thị Ngọc	Như	16/7/2003	Gia Lai	8,33	9,00	Đạt
224	25UED02.224	Trần Thị Trạch	Oanh	13/3/1992	Quảng Nam	7,33	9,50	Đạt
225	25UED02.225	Võ Thị Tố	Oanh	20/5/2005	Đà Nẵng	5,67	2,50	Không đạt
226	25UED02.226	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	10/4/2004	Hà Tĩnh	7,33	6,00	Đạt
227	25UED02.227	Lê Thị Kiều	Oanh	05/10/2004	Bình Định	7,67	6,00	Đạt
228	25UED02.228	Phạm Thị Kiều	Oanh	02/12/2004	Quảng Nam	6,00	6,50	Đạt
229	25UED02.229	Phan Thị Kim	Oanh	18/9/2004	Hà Tĩnh	7,00	8,50	Đạt
230	25UED02.230	Chansina	Patsaya	25/8/2001	Lào	3,00	0,00	Không đạt
231	25UED02.231	Đinh Tấn	Phát	29/10/2004	Kon Tum	9,33	5,00	Đạt
232	25UED02.232	Lê Tấn	Phát	25/01/2004	Phú Yên	9,33	8,00	Đạt
233	25UED02.233	Trần Ngọc	Phây	24/4/1996	Quảng Nam	5,33	7,50	Đạt
234	25UED02.234	Đặng Thanh	Phi	21/4/2004	Đắk Lắk	7,67	8,00	Đạt

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm trắc nghiệm	Điểm thực hành	Kết quả
235	25UED02.235	Xaiyaseng	Phonpaseuth	11/10/2000	Lào	0,67	2,50	Không đạt
236	25UED02.236	Đỗ Trường	Phúc	20/7/2004	Khánh Hòa	8,67	7,50	Đạt
237	25UED02.237	Nguyễn Thị Hồng	Phúc	07/5/2004	Gia Lai	8,00	5,00	Đạt
238	25UED02.238	Nguyễn Tấn	Phước	13/5/2004	Gia Lai	8,67	8,00	Đạt
239	25UED02.239	Nguyễn Huệ	Phuong	24/7/2002	Quảng Ngãi	5,00	9,00	Đạt
240	25UED02.240	Tàng Thị	Phuong	10/3/2004	Đắk Lắk	8,00	9,50	Đạt
241	25UED02.241	Kim Thị Ngọc	Phuong	19/6/2006	Nghệ An	7,00	8,00	Đạt
242	25UED02.242	Nguyễn Thị Thanh	Phuong	20/01/2003	Quảng Nam	7,33	6,00	Đạt
243	25UED02.243	Võ Thị Thu	Phượng	13/5/2004	Đà Nẵng	6,33	7,50	Đạt
244	25UED02.244	Thị Thị	Phượng	25/5/2002	Đà Nẵng	6,67	4,00	Không đạt
245	25UED02.245	Phạm Thị Ngọc	Phượng	24/12/2003	Đà Nẵng	5,67	5,50	Đạt
246	25UED02.246	Nguyễn Công	Quảng	01/12/1999	Đắk Nông	6,33	4,00	Không đạt
247	25UED02.247	Ngô Văn	Quốc	14/3/2004	Quảng Ngãi	6,00	8,00	Đạt
248	25UED02.248	Lê Ngọc	Quý	02/7/2003	Hà Tĩnh	6,00	7,50	Đạt
249	25UED02.249	Ngô Vũ Hồng	Quyên	11/4/2004	Quảng Nam	7,00	3,00	Không đạt
250	25UED02.250	Trần Hạnh	Quyên	08/3/2003	Quảng Nam	6,00	5,00	Đạt
251	25UED02.251	Phạm Thị Mỹ	Quyên	18/3/2006	Quảng Nam	8,67	8,50	Đạt
252	25UED02.252	Trần Nguyễn Nguyệt	Quỳnh	10/11/2003	Phú Yên	7,00	4,00	Không đạt
253	25UED02.253	Bùi Như	Quỳnh	09/12/2003	Đà Nẵng	4,67	3,00	Không đạt
254	25UED02.254	Nguyễn Thị	Sang	05/01/2005	Quảng Nam	8,00	9,00	Đạt
255	25UED02.255	Trần Quang	Sinh	02/9/2003	Quảng Ngãi	8,00	5,00	Đạt
256	25UED02.256	Nguyễn Đình	Sơn	29/01/2003	Gia Lai	6,33	5,00	Đạt
257	25UED02.257	Nguyễn Thảo	Sương	13/01/2005	Quảng Trị	8,00	7,00	Đạt
258	25UED02.258	Trần Thu	Sương	16/12/2005	Đà Nẵng	8,67	8,50	Đạt
259	25UED02.259	Trần Thị	Tài	16/6/2003	Nam Định	8,00	9,00	Đạt
260	25UED02.260	Đào Hữu	Tài	14/11/2003	Hà Tĩnh	8,33	5,50	Đạt
261	25UED02.261	Trần Minh	Tâm	31/3/2004	Quảng Bình	6,33	5,00	Đạt
262	25UED02.262	Nguyễn Châu Lê	Tâm	05/3/2005	Đà Nẵng	7,33	5,00	Đạt
263	25UED02.263	Lương Lê Mỹ	Tâm	04/6/2004	Quảng Nam	6,00	3,00	Không đạt
264	25UED02.264	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	16/6/2005	Quảng Bình	6,00	5,50	Đạt
265	25UED02.265	Ngô Thanh	Tiên	22/12/2005	Quảng Ngãi	5,33	3,50	Không đạt
266	25UED02.266	Võ Thị	Tiền	12/7/2003	Đà Nẵng	6,33	5,00	Đạt
267	25UED02.267	Lê Công	Tiến	06/11/2004	Quảng Nam	7,33	5,00	Đạt
268	25UED02.268	Nguyễn Ngọc Trung	Tín	02/02/2003	Đà Nẵng	8,33	7,50	Đạt
269	25UED02.269	Tô Hoài	Tú	24/9/2000	Phú Yên	7,00	6,00	Đạt
270	25UED02.270	Huỳnh Thị Phương	Tú	02/11/2003	Kon Tum	6,33	6,00	Đạt
271	25UED02.271	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	04/12/2005	Gia Lai	8,00	10,00	Đạt
272	25UED02.272	Phan Anh	Tuấn	13/11/2003	Quảng Bình	6,33	5,00	Đạt
273	25UED02.273	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	22/10/2004	Quảng Ngãi	9,33	7,00	Đạt
274	25UED02.274	Phạm Thị Ánh	Tuyết	19/01/2004	Quảng Nam	8,33	5,00	Đạt

10/10/2024
G
C
AN

10

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm trắc nghiệm	Điểm thực hành	Kết quả
275	25UED02.275	Alăng Thị Ngọc	Ty	18/10/2005	Quảng Nam	8,33	5,00	Đạt
276	25UED02.276	Vương Thị Phương	Thanh	27/02/2004	Bắc Ninh	7,67	3,50	Không đạt
277	25UED02.277	Đoàn Nguyễn Mỹ	Thanh	18/4/2005	Đà Nẵng	9,00	4,00	Không đạt
278	25UED02.278	Nguyễn Đức	Thành	01/01/2004	Quảng Bình	8,67	7,50	Đạt
279	25UED02.279	Võ Văn	Thành	16/3/2001	Đà Nẵng	6,00	5,00	Đạt
280	25UED02.280	Lê Công	Thành	13/02/2005	Quảng Nam	7,00	3,00	Không đạt
281	25UED02.281	Võ Hoàng Thu	Thảo	02/7/2005	Đà Nẵng	5,67	5,00	Đạt
282	25UED02.282	Phan Thị Phương	Thảo	07/10/2003	Quảng Ngãi	8,67	5,00	Đạt
283	25UED02.283	Lê Thị Minh	Thảo	22/10/2005	Đà Nẵng	7,67	10,00	Đạt
284	25UED02.284	Nguyễn Lê Ngọc	Thảo	14/7/2005	Đà Nẵng	7,33	7,00	Đạt
285	25UED02.285	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	09/5/2002	Đà Nẵng	7,33	3,00	Không đạt
286	25UED02.286	Huỳnh Thị Thu	Thảo	12/8/2004	Quảng Ngãi	6,67	6,00	Đạt
287	25UED02.287	Nguyễn Nguyên	Thảo	01/7/2001	Quảng Nam	9,33	10,00	Đạt
288	25UED02.288	Hà Thị Thanh	Thảo	01/6/2004	Quảng Nam	8,00	3,50	Không đạt
289	25UED02.289	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	26/11/2004	Thừa Thiên - Huế	3,33	5,50	Không đạt
290	25UED02.290	Nguyễn Thị Phương	Thảo	20/10/2005	Nghệ An	9,67	5,50	Đạt
291	25UED02.291	Brôl Thị	Thảo	26/4/2002	Quảng Nam	7,67	5,50	Đạt
292	25UED02.292	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	01/5/2005	Thừa Thiên - Huế	5,33	4,00	Không đạt
293	25UED02.293	Nguyễn Đức	Thắng	18/7/2003	Quảng Bình	8,67	10,00	Đạt
294	25UED02.294	Ngô Yên	Thi	15/8/2003	Đà Nẵng	8,67	6,00	Đạt
295	25UED02.295	Lê Thị Diễm	Thi	15/12/2004	Bình Định	8,67	6,50	Đạt
296	25UED02.296	Trần Thị Hoàng	Thịnh	05/12/2004	Quảng Nam	9,67	9,00	Đạt
297	25UED02.297	Hà Dung Nhật	Thọ	29/12/2001	Quảng Ngãi	9,00	6,00	Đạt
298	25UED02.298	Trương Hoài	Thu	30/12/2001	Thanh Hóa	6,67	5,00	Đạt
299	25UED02.299	Huỳnh Thị Thủy	Thuận	06/4/2004	Quảng Nam	10,00	10,00	Đạt
300	25UED02.300	Lê Thị Bích	Thủy	14/12/2004	Đà Nẵng	8,67	5,50	Đạt
301	25UED02.301	Trần Thanh	Thúy	17/02/2005	Hà Tĩnh	9,00	5,00	Đạt
302	25UED02.302	Mai Lê Thanh	Thúy	15/9/2005	Quảng Trị	9,33	8,50	Đạt
303	25UED02.303	Nguyễn Thị Oanh	Thư	26/5/2004	Đà Nẵng	5,67	4,00	Không đạt
304	25UED02.304	Huỳnh Lê Anh	Thư	03/11/2005	Quảng Ngãi	7,00	9,50	Đạt
305	25UED02.305	Lê Thị Minh	Thư	18/8/2004	Quảng Trị	8,33	6,50	Đạt
306	25UED02.306	Đỗ Anh	Thư	17/5/2004	Đà Nẵng	5,33	5,00	Đạt
307	25UED02.307	Võ Ngọc Minh	Thư	09/11/2004	Ninh Thuận	6,00	5,00	Đạt
308	25UED02.308	Phan Thị Ngọc	Thư	10/5/2004	Đà Nẵng	7,00	4,00	Không đạt
309	25UED02.309	Lê Thị Hoài	Thương	23/11/1989	Quảng Trị	8,67	10,00	Đạt
310	25UED02.310	Phan Thị	Thương	19/6/2005	Gia Lai	5,33	9,00	Đạt
311	25UED02.311	Nguyễn Thị Diệu	Thương	12/5/2005	Đà Nẵng	7,33	6,00	Đạt
312	25UED02.312	Võ Minh	Thương	06/9/2004	Quảng Nam	6,67	3,50	Không đạt
313	25UED02.313	Hà Thị Hoài	Thương	12/01/2004	Quảng Bình	6,33	3,00	Không đạt
314	25UED02.314	Lê Anh	Thương	08/11/2002	Gia Lai	7,67	5,00	Đạt

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm trắc nghiệm	Điểm thực hành	Kết quả
315	25UED02.315	Nguyễn Thanh	Thương	18/4/2005	Quảng Nam	6,33	5,00	Đạt
316	25UED02.316	Trần Thanh	Trà	18/8/2005	Nghệ An	7,33	10,00	Đạt
317	25UED02.317	Phạm Thị Thanh	Trà	29/3/2005	Quảng Bình	9,00	10,00	Đạt
318	25UED02.318	Đồng Thị	Trà	17/01/2005	Hà Tĩnh	8,33	9,00	Đạt
319	25UED02.319	Nguyễn Thị Huyền	Trang	17/01/2005	Gia Lai	7,33	5,00	Đạt
320	25UED02.320	Nguyễn Thị Huyền	Trang	10/10/2005	Nghệ An	6,67	5,00	Đạt
321	25UED02.321	Phan Thị	Trang	27/02/2005	Hà Tĩnh	6,67	8,00	Đạt
322	25UED02.322	Trần Thị Như	Trang	18/9/2005	Đà Nẵng	6,67	8,50	Đạt
323	25UED02.323	Hoàng Thị Huyền	Trang	24/5/2004	Nghệ An	6,33	7,00	Đạt
324	25UED02.324	Trần Thị	Trang	27/6/2005	Gia Lai	7,00	5,00	Đạt
325	25UED02.325	Nguyễn Thùy Thanh	Trang	24/11/2005	Quảng Nam	8,00	5,00	Đạt
326	25UED02.326	Trần Võ Huyền	Trang	14/10/2005	Nghệ An	8,33	8,00	Đạt
327	25UED02.327	Nguyễn Thị Thu	Trang	17/7/2005	Nghệ An	9,00	10,00	Đạt
328	25UED02.328	Dương Thị Huyền	Trang	17/7/2005	Hà Tĩnh	6,67	5,00	Đạt
329	25UED02.329	Trần Dương Thị Hoài	Trang	12/11/2001	Quảng Nam	7,33	6,50	Đạt
330	25UED02.330	Hồ Văn	Trảo	26/12/1991	Quảng Nam	2,67	2,00	Không đạt
331	25UED02.331	Trần Thị Bảo	Trâm	08/9/2005	Thừa Thiên - Huế	8,33	10,00	Đạt
332	25UED02.332	Nguyễn Thị Minh	Trâm	06/12/2005	Gia Lai	8,67	9,00	Đạt
333	25UED02.333	Ngô Ngọc Bảo	Trâm	15/01/2003	Đà Nẵng	8,33	9,00	Đạt
334	25UED02.334	Nguyễn Huỳnh Bảo	Trâm	11/11/2005	Kon Tum	8,00	10,00	Đạt
335	25UED02.335	Nguyễn Đặng Thùy	Trâm	12/10/2005	Đà Nẵng	6,33	7,00	Đạt
336	25UED02.336	Trịnh Thị Tú	Trâm	05/10/2005	Hà Tĩnh	6,33	5,00	Đạt
337	25UED02.337	Võ Mai	Trâm	04/4/2004	Hồ Chí Minh	8,67	9,00	Đạt
338	25UED02.338	Bùi Ngô Minh Huyền	Trân	22/8/2005	Quảng Nam	7,67	10,00	Đạt
339	25UED02.339	A Viết Nguyên	Trân	21/12/2005	Quảng Nam	9,67	10,00	Đạt
340	25UED02.340	Nguyễn Cao	Trí	29/01/2003	Bình Định	4,33	3,50	Không đạt
341	25UED02.341	Phan Võ Ngọc	Trinh	24/3/2004	Đà Nẵng	6,67	5,00	Đạt
342	25UED02.342	Nguyễn Huỳnh Hương	Trinh	15/6/2003	Đà Nẵng	7,33	7,00	Đạt
343	25UED02.343	Lê Thị Lan	Trinh	11/9/2002	Kon Tum	6,33	8,00	Đạt
344	25UED02.344	Nguyễn Thị	Trinh	12/7/2004	Nghệ An	8,00	10,00	Đạt
345	25UED02.345	Mai Thùy	Trinh	13/7/2005	Đà Nẵng	8,00	9,00	Đạt
346	25UED02.346	Nguyễn Thị Lan	Trinh	09/10/2003	Gia Lai	9,00	9,00	Đạt
347	25UED02.347	Mai Thanh	Trúc	18/01/2005	Đà Nẵng	10,00	10,00	Đạt
348	25UED02.348	Văn Thị Xuân	Trúc	19/12/2004	Đà Nẵng	8,33	9,00	Đạt
349	25UED02.349	Nguyễn Thanh	Trúc	19/12/2005	Nghệ An	9,67	10,00	Đạt
350	25UED02.350	Nguyễn Thị Ngọc	Trúc	08/8/2004	Đà Nẵng	6,00	8,00	Đạt
351	25UED02.351	Nguyễn Hoàng	Trung	23/10/2005	Đà Nẵng	5,67	5,00	Đạt
352	25UED02.352	Huỳnh Quang	Trường	28/5/2003	Phú Yên	8,00	5,00	Đạt
353	25UED02.353	Võ Diễm Kiều	Uyên	25/01/2005	Gia Lai	7,00	7,50	Đạt
354	25UED02.354	Trần Thuỳ Nhã	Uyên	26/10/2004	Đà Nẵng	7,00	7,00	Đạt

Tb

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm trắc nghiệm	Điểm thực hành	Kết quả
355	25UED02.355	Lê Thị Tố Uyên	05/3/2005	Hà Tĩnh	9,33	8,00	Đạt
356	25UED02.356	Nguyễn Thị May Uyên	20/5/2005	Đà Nẵng	7,00	6,00	Đạt
357	25UED02.357	Trần Hà Uyên	24/5/2005	Gia Lai	8,67	8,00	Đạt
358	25UED02.358	Ksor H' Mỹ Uyên	31/3/2005	Gia Lai	5,67	5,00	Đạt
359	25UED02.359	Huỳnh Thị Thanh Vân	24/3/2005	Đà Nẵng	6,67	5,00	Đạt
360	25UED02.360	Hoàng Y Vân	25/4/2005	Quảng Bình	8,67	9,50	Đạt
361	25UED02.361	Lê Thị Cẩm Vân	27/11/2004	Quảng Nam	8,33	5,50	Đạt
362	25UED02.362	Phan Thị Thanh Vân	04/9/2005	Quảng Nam	8,33	10,00	Đạt
363	25UED02.363	Phạm Thị Thảo Vân	17/3/2004	Hà Tĩnh	9,67	9,00	Đạt
364	25UED02.364	Trần Thị Thanh Vân	28/4/2005	Đà Nẵng	7,33	7,50	Đạt
365	25UED02.365	Rcom H' Li Vân	22/4/2005	Gia Lai	6,00	5,00	Đạt
366	25UED02.366	Lê Thảo Vi	01/5/2005	Hà Tĩnh	8,33	6,50	Đạt
367	25UED02.367	Vũ Tường Vi	16/3/2002	Gia Lai	8,67	9,00	Đạt
368	25UED02.368	Nguyễn Thị Hà Vi	22/6/2004	Nghệ An	8,00	7,50	Đạt
369	25UED02.369	Ngô Lê Việt	25/9/2004	Thanh Hóa	8,67	5,00	Đạt
370	25UED02.370	Trần Đức Vinh	05/3/2004	Đắk Lắk	8,33	9,50	Đạt
371	25UED02.371	Lê Thế Vinh	02/12/2004	Hà Tĩnh	8,67	8,50	Đạt
372	25UED02.372	Hoàng Hoa Vinh	12/8/2005	Đà Nẵng	7,67	8,00	Đạt
373	25UED02.373	Nguyễn Ngọc Thành Vũ	08/3/2004	Kon Tum	8,33	10,00	Đạt
374	25UED02.374	Ninh Đức Vượng	10/12/2004	Gia Lai	7,67	7,50	Đạt
375	25UED02.375	Trần Hoàng Vy	14/4/2004	Đà Nẵng	6,67	5,00	Đạt
376	25UED02.376	Nguyễn Hoài Vy	10/7/2005	Quảng Trị	7,00	8,50	Đạt
377	25UED02.377	Đào Thị Ngọc Vy	23/01/2004	Đà Nẵng	8,33	9,50	Đạt
378	25UED02.378	Nguyễn Thị Thảo Vy	22/6/2005	Gia Lai	6,33	4,00	Không đạt
379	25UED02.379	Nguyễn Thị Hà Vy	25/7/2003	Đà Nẵng	8,67	9,00	Đạt
380	25UED02.380	Huỳnh Thị Yến Vy	30/7/2003	Quảng Nam	7,33	5,00	Đạt
381	25UED02.381	Lê Thị Tường Vy	30/10/2004	Đà Nẵng	-	-	Vắng thi
382	25UED02.382	H Xê	04/4/2002	Đắk Nông	4,67	5,50	Không đạt
383	25UED02.383	Trần Thị Như Ý	14/01/2004	Quảng Nam	9,00	10,00	Đạt
384	25UED02.384	Ngô Bảo Yến	28/9/2004	Thái Nguyên	8,33	9,00	Đạt
385	25UED02.385	Nguyễn Thị Hải Yến	29/10/2003	Nghệ An	5,67	9,00	Đạt
386	25UED02.386	Y Yến	14/8/2003	Kon Tum	8,00	7,50	Đạt
387	25UED02.387	Lê Hoài Thương	01/8/1995	Quảng Ngãi	7,00	8,50	Đạt

Ấn định danh sách này có 387 thí sinh, trong đó:

- Đạt: 335 thí sinh
- Không đạt: 48 thí sinh
- Vắng thi: 4 thí sinh. *g/h*

HIỆU TRƯỞNG



PGS. TS. Võ Văn Minh